

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/01/2023

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Trường Bảo.

2. Ông Phạm Văn Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm 5, thôn 4, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Tâm H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn 8, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – anh Lê Minh T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh T và chị Hoàng Thị Tâm H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã M), huyện T, tỉnh Bình Thuận vào năm 2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do chị H lừa dối anh T nên vợ chồng chung sống không có hạnh

phúc. Chị H và anh T đã sống ly thân được hai năm. Anh T không còn tình cảm với chị H nữa nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có tài sản và nợ chung.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn – chị Hoàng Thị Tâm H đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng chị H đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể ghi nhận những ý kiến của chị H về những vấn đề liên quan trong vụ án.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Anh Lê Minh T cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 Căn cước công dân và sổ hộ khẩu của anh T (Bản sao có chứng thực); Trích lục kết hôn số 916/TLKH-BN ngày 26/9/2022 của UBND xã M; Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2016 (Bản sao).

- Chị Hoàng Thị Tâm H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của anh T và chị H.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Minh T; anh Lê Minh T được ly hôn với chị Hoàng Thị Tâm H.

Về án phí: Anh Lê Minh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, anh Lê Minh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Hoàng Thị Tâm H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn – anh Lê Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Lê Minh T:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016 anh Lê Minh T và chị Hoàng Thị Tâm H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã M). Sau khi kết hôn anh T và chị H chung sống hạnh phúc với nhau. Sau đó, chị H lừa dối anh T nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân với nhau được hai năm. Hiện nay, anh T không còn tình cảm với chị H nên không muốn sống chung với anh T. anh T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với chị H.

Tại biên bản xác minh ngày 18/11/2022 thể hiện: Đến năm 2018 do chị H làm ăn bị thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Từ đó, chị H đã bỏ nhà đi và không còn chung sống với anh T. Chị H và anh T không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy: Trong giai đoạn giải quyết vụ án chị H đã vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của chị H về quan hệ hôn nhân và không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Thể hiện tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, anh T đều xác định không còn tình cảm với chị H và không muốn tiếp tục chung sống với chị H nữa. Tại biên bản xác minh ngày 18/11/2022 cũng thể hiện: Hiện nay, chị H và anh T không còn chung sống với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và Triệu đã phát sinh nghiêm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được; cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị H là phù hợp.

[4] *Về con chung và cấp dưỡng*: Chị H và anh T không có con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Lê Minh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về án phí*: Cần buộc anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T.

Anh Lê Minh T được ly hôn với chị Hoàng Thị Tâm H.

- *Về án phí*: Anh Lê Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà anh T đã nộp theo biên lai số 0011447, ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yên